

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-PT

Ngày: 03-01-2025

*Về việc: "Tranh chấp yêu cầu vô hiệu
văn bản khai nhận di sản thừa kế, chia
thừa kế tài sản, hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

2. Ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 501/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp yêu cầu vô hiệu văn bản khai nhận di sản thừa kế, chia thừa kế tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 532/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Minh N1, sinh năm 1951.

Địa chỉ: số 1323/6 đường P, phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: số 172/6 đường N, Phường 13, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ông Trịnh Bửu N2, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 172/6 đường N, Phường 13, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N1 và ông N2: Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1973; Địa chỉ: khu 1 B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (theo các Văn bản ủy quyền ngày 29/6/2023 và ngày 27/6/2023).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh N3, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Địa chỉ thường trú hiện nay: Số 1323/6 đường P, phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N3: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An (Theo Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Văn phòng công chứng V (trước đây là Văn phòng công chứng số 02 tỉnh Long An).

Người đại diện theo pháp luật: Ông V - chức vụ: Trưởng văn phòng; Địa chỉ: Số 25, đường B, Khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An.

3.2. Ông Trịnh Bửu C, sinh năm 1952.

Địa chỉ: số 172/6 đường N, tổ dân phố 24, khu phố 7, phường 13, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1973; Địa chỉ: khu 1 B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (theo Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2024).

3.3. Ông Huỳnh Duy T2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3.4. Bà Đỗ Thị Mỹ D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3.5. Bà Huỳnh Kim Đ, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

3.6. Ông Lê Minh T3, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

3.7. Văn phòng công chứng H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thùy L - Chức vụ: Trưởng văn phòng; Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

3.8. Văn phòng Công chứng L.

Người đại diện theo pháp luật: Bà L - Chức vụ: Trưởng Văn phòng; Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

4. *Người kháng cáo:* ông Lê Minh N3, ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu C, ông Trịnh Bửu N2.

5. *Kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

*(Ông T1, ông H, bà Đ, ông T3 có mặt;
những người còn lại vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện các ngày 27/01/2022, 27/4/2022, 09/01/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của các nguyên đơn ông Lê Minh N1 và ông Trịnh Bửu N2 do ông Huỳnh Văn T1 đại diện trình bày như sau:

Cha ông N1 là cụ Lê Công Chánh, sinh năm 1925 (chết năm 1986), mẹ là cụ Đặng Thị Nở, sinh năm 1926 (chết năm 2013); cụ Chánh và cụ Nở có 03 người con gồm: ông Lê Minh N1, sinh năm 1951; bà Lê Thu Hồng, sinh năm 1953 (chết năm 2021; bà Hồng có chồng là ông Trịnh Bửu C, có người con duy nhất là anh Trịnh Bửu N2, sinh năm 1986) và ông Lê Minh N3, sinh năm 1958. Cha cụ Chánh là cố Lê Văn Liên (chết năm 1950) và cố Trần Thị Ngưu (chết năm 1982); cha cụ Nở là cố Đặng Hữu Châu (chết năm 1951) và cố Nguyễn Thị Mai (chết năm 1963). Cụ Chánh và cụ Nở không có con riêng, con nuôi nào khác. Cụ Chánh và cụ Nở chung sống với nhau từ năm 1949, không đăng ký kết hôn, đến năm 1986 thì cụ Chánh chết. Sau năm 1986, cụ Nở có mua được các thửa đất số 833, diện tích 239m², loại đất ở nông thôn; thửa đất số 834, diện tích 2.711m², loại đất vườn; thửa đất số 820, diện tích 2.069m² loại đất lúa; thửa đất số 779, diện tích 2.283m², loại đất lúa; cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. Ông N1 chỉ nghe cụ Nở nói nhận chuyển nhượng nhưng không biết nhận chuyển nhượng của ai. Năm 1996, cụ Nở đi kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 833, 834 và 820; còn thửa 779 thì năm 2001 ông N3 tự ý đi kê khai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 21/01/2013, cụ Nở chết không để lại di chúc, ngày 16/10/2013, ông N3 lên lút đi khai nhận di sản thừa kế của cụ Nở để lại, không được sự đồng ý của ông N1 và bà Hồng; từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ai là người trực tiếp sử dụng và sử dụng như thế nào thì ông T1 không được những người ủy quyền thông báo nên ông không biết ai là người sử dụng. Nay ông N1 và ông N2 con của bà Hồng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Vô hiệu văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 16/10/2013 của ông Lê Minh N3 được Văn phòng Công chứng số 2 tỉnh Long An công chứng số 0007017 quyền số 07/TP/CC-SCC/TK đối với thửa đất số 820, 833, 834, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.019m², loại đất chuyên trồng lúa nước, đất ở nông thôn, đất trồng cây hàng năm khác; chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Đặng Thị Nở để lại gồm: Thửa đất số 833, diện tích 239m², loại đất ở nông thôn; thửa đất số 834, diện tích 2.711m², loại đất vườn; thửa đất số 820, diện tích 2.069m² loại đất lúa; thửa đất số 779, diện tích 2.283m², loại đất lúa; cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. Ông Lê Minh N1 yêu cầu được nhận 01

phần thửa đất số 834 diện tích 903m²; thửa đất số 820, diện tích 2.069m². Anh Trịnh Bửu N2 yêu cầu được nhận một phần thửa đất số 834 diện tích 903m² và 01 phần thửa đất số 779, diện tích 1.141m². Giao cho ông N3 thửa đất số 833 và phần còn lại thửa 779 và thửa 834, ai nhận được kỷ phần giá trị cao hơn sẽ hoàn trả phần chênh lệch cho người nhận thấp hơn.

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/11/2022 giữa ông Lê Minh N3 với ông Huỳnh Duy T2 đối với thửa đất số 820, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.920m², loại đất chuyên trồng lúa nước; thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.711m² loại đất trồng cây hằng năm khác cùng tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C tỉnh Long An được Văn phòng công chứng H chứng thực số 12505, quyền số 13/2022/TP/CC-SCC/HĐGD.

- Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/12/2022 giữa ông Lê Minh N3 và vợ là bà Huỳnh Kim Đ với ông Lê Minh T3 đối với thửa đất 779, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.283m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An cho ông Lê Minh T3 được Văn phòng công chứng L chứng thực số 10361, quyền số 12/2022/TP/CC-SCC/HĐGD.

Ông đồng ý với phần diện tích theo Mạnh trích đo địa chính số 111/ML-2023, 113/ML- 2023, 112/ML-2023 và chứng thư thẩm định giá ngày 01/12/2023.

Tại phiên tòa ông T1 xác định đối với tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4 và cây trồng trên thửa đất số 833 và thửa 834 thì ông N1 và ông N2 không tranh chấp, do đây là tài sản trên của ông N3. Trường hợp nếu Tòa án chia thừa kế bằng giá trị thì ông yêu cầu chia cho ông N1 được hưởng thửa đất số 833.

Bị đơn ông Lê Minh N3 do ông Nguyễn Văn H đại diện trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 833, diện tích 239m², loại đất ở nông thôn; thửa đất số 834, diện tích 2.711m², loại đất vườn; thửa đất số 820, diện tích 2.069m² loại đất lúa là của ông bà nội ông N3 để lại cho cha mẹ ông N3 là cụ Lê Công Chánh và cụ Đặng Thị Nở sử dụng từ trước năm 1965, cha mẹ ông N3 và ông N3 cùng sử dụng đến năm 1986 cụ Chánh chết thì ông N3 và cụ Nở tiếp tục sử dụng từ đó đến nay vì ông N3 trực tiếp ở với cụ Nở và nuôi cụ Nở đến lúc chết. Vào năm 1996, nhà nước có chủ trương kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì do cụ Nở là mẹ nên ông N3 để cụ Nở đại diện đi kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông N3 là công chức thời điểm này không được đứng tên quyền sử dụng đất, nhưng đất thì ông N3 là người trực tiếp quản lý sử dụng, canh tác để nuôi cụ Nở vì lúc này cụ Nở đã lớn tuổi không còn canh tác được. Năm 2013, cụ Nở chết thì ông N3 đi khai nhận di sản thừa kế đối với các thửa đất trên và được Sở tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế và cho rằng đây là tài sản riêng của cụ Nở thì ông N3 không đồng ý vì đây là tài sản của ông bà để lại, ông là người trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1986 đến nay, cụ Nở chỉ là đại diện đứng tên và ông N3 đã đi khai di sản thừa kế đúng quy định của pháp luật. Ông N3 cũng đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất là thửa đất số 834 và 820 cho ông Huỳnh Duy T2 vào ngày 11/01/2022 với số tiền

8.300.000.000 đồng, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải thực hiện việc điều chỉnh diện tích nên không làm được hợp đồng chuyển nhượng ngay đến ngày 29/11/2022 thì mới điều chỉnh xong phần diện tích hiến đất làm lộ đê bao Rạch Cát nên ngày 30/11/2022 mới lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng. Sau khi lập hợp đồng ngày 11/01/2022 thì ông N3 đã giao đất cho ông T2 trực tiếp quản lý sử dụng và tiến hành lập biên bản ký giáp ranh với các hộ liên kề. Đối với thửa đất số 779 nguyên đơn cho rằng là di sản thừa kế của cụ Nở là không đúng vì đây không phải là tài sản của cụ Nở, nguyên đơn đi khởi kiện phải chứng minh được tài sản này của cụ Nở đứng tên và liên quan đến cụ Nở. Nguồn gốc thửa đất số 779 là của cha mẹ vợ ông N3 là cụ Huỳnh Duy Triệu mua bằng giấy tay vào năm 1992 của bà Nguyễn Thị Tư, nhưng sau đó cụ Triệu cho lại vợ chồng ông N3 và con ông N3 là Lê Minh T3. Ngày 07/3/1998, bà Nguyễn Thị Tư làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông N3, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực và có biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 10/6/1998 của Trưởng phòng địa chính C; ngày 19/02/2001 thì ông N3 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày 05/12/2022 ông N3 và bà Đ đã làm hợp đồng tặng cho anh Lê Minh T3 là con ruột. Như vậy thửa đất số 779 không liên quan gì đến cụ Nở. Việc ông N3 cho gia đình ông N2 chôn cất bà Hồng tại thửa đất này do là anh em ruột trong gia đình nên ông N3 mới đồng ý cho chôn cất nhờ trên đất. Bị đơn có cung cấp 01 tờ di chúc của cụ Nở để lại ngày 15/3/2003 thì không thể hiện là thửa đất nào và ở đâu nếu nguyên đơn cho rằng đây là di chúc thì nguyên đơn cứ đi khởi kiện chia theo di chúc phần đất này. Hiện nay, ông N3 chỉ còn đang quản lý sử dụng đối với thửa đất số 833.

Ông đồng ý với phần diện tích theo Mảnh trích đo địa chính số 111/ML-2023, do khi chuyển nhượng hai bên không có tiến hành đo đạc thực tế nên hiện nay đã có bản vẽ thì ông sẽ giao đất theo ranh bản đồ địa chính của khu đất tranh chấp. Đối với Mảnh trích đo địa chính số 113/ML-2023 thì ông đồng ý; đối với mảnh trích đo số 112/ML-2003 về diện tích thì ông đồng ý nhưng đối với phần ghi chủ tên người quản lý sử dụng đất là không đúng vì hiện nay ông T2 mới là người đang trực tiếp quản lý sử dụng và đứng tên. Đối với chứng thư thẩm định giá ngày 01/12/2023 ông cũng đồng ý. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý. Trường hợp nếu Tòa án chia di sản thừa kế thì đề nghị phải xem xét công sức của ông N3 và bà Đ là người nuôi cha mẹ và trực tiếp quản lý di sản thừa kế từ trước đến nay.

Bà Huỳnh Kim Đ trình bày: Đối với thửa đất số 833, diện tích 239m², loại đất ở nông thôn; thửa đất số 834, diện tích 2.711m², loại đất vườn; thửa đất số 820, diện tích 2.069m² loại đất lúa là của ông bà nội ông N3 để lại cho ông N3, khi để lại thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà và ông N3 cưới nhau thì vợ chồng tiếp tục canh tác và sử dụng phần đất này sau đó để cho cụ Nở đại diện đi kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu Tòa án chia di

sản thừa kế thì phải xem xét công sức của vợ chồng bà đã quản lý và sử dụng, tồn tại đất và công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.

Ông Huỳnh Duy T2 trình bày: Ngày 11/01/2022 ông có nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Minh N3 tại thửa đất số 820, tờ bản đồ số 4 diện tích 1.920m² loại đất lúa; thửa đất số 834, diện tích 2.711m², loại đất trồng cây hàng năm khác, cùng tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An với giá 8.300.000.000đồng, nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có một phần bị thu hồi làm đường đê bao Rạch Cát chưa được điều chỉnh nên phải thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong mới làm hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng được. Vào ngày 29/11/2022, thì ông N3 mới điều chỉnh xong nên ngày 30/11/2022 thì hai bên làm hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng H với giá 650.000.000 đồng cho đỡ đóng thuế, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được Văn phòng Công chứng H chứng thực số 12505, quyền số 13/2022TP/CC-SCC/HĐGD; Ngày 12/12/2022, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, khi ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông N3 thì đất không có tranh chấp và ông N3 đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp, sau khi nhận chuyển nhượng thì ông N3 đã giao quyền sử dụng đất cho ông sử dụng, hai bên đã cắm mốc giao đất xong. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng thì ông không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ông Lê Minh T3 trình bày: Ngày 05/12/2022, cha ông là Lê Minh N3 và mẹ là Huỳnh Kim Đ đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông đối với thửa đất số 779, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.283m², loại đất lúa, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất này trước đây do ông ngoại của ông nhận chuyển nhượng của bà Tư, sau đó ông ngoại cho ông phần đất này nhưng do ông còn nhỏ nên để cha ông là ông N3 đại diện đứng tên, hiện nay ông đã trưởng thành nên cha ông sang tên cho ông phần đất này là phù hợp, hiện nay ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trên phần đất của ông có phần mộ của bà cô Lê Thị Hồng ông cho chôn nhờ trên đất, trong vụ án này ông không tranh chấp với phần mộ trên đất của ông.

Chị Đỗ Thị Mỹ D trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh Thanh, mọi giao dịch do anh Thanh thực hiện, trong vụ án này chị không có yêu cầu gì.

Văn phòng Công chứng V trình bày tại văn bản số 13/CV-VPCCCLVĐ ngày 23/02/2024: Văn phòng công chứng V xét thấy Văn bản khai nhận di sản của ông Lê Minh N1 chứng nhận ngày 16/10/2013, số công chứng 007017, quyền số 07TP/CC-SCC/TK được công chứng viên Phòng công chứng số 02 tỉnh Long An tiếp nhận và chứng nhận theo đúng trình tự thủ tục công chứng Điều 35, Điều 36 luật Công chứng năm 2006. Công chứng viên thụ lý đã kiểm tra tính hợp pháp các giấy tờ như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy tờ tùy thân, đơn xác nhận con duy nhất và các giấy tờ có liên quan, phòng công chứng đã có

thông báo niêm yết từ ngày 01/10/2013 đến ngày 16/10/2013, hết thời hạn niêm yết Phòng công chứng không nhận được khiếu nại, tố cáo về việc bỏ sót người hưởng di sản hoặc liên quan đến di sản thừa kế mà bà Đặng Thị Nở để lại. Công chứng viên kiểm tra năng lực hành vi dân sự của ông Lê Minh N3, ông Lê Minh N3 đã đọc nội dung văn bản, đồng ý toàn bộ nội dung văn bản và ký vào từng trang văn bản trước sự chứng kiến của Công chứng viên. Văn phòng công chứng xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Văn phòng công chứng L trình bày tại văn bản số 04/CV ngày 27/02/2024: Hợp đồng tặng cho nêu trên cơ sở tự nguyện giữa các bên tham gia giao dịch và tiến hành theo đúng trình tự pháp luật quy định nên không đồng ý hủy. Nếu nguyên đơn chứng minh được yêu cầu của mình là có căn cứ hoặc các bên có sự thỏa thuận với nhau thì do Tòa án xem xét quyết định và việc vô hiệu hợp đồng tặng cho trên không phải lỗi do Văn phòng công chứng. Văn phòng công chứng xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Văn phòng công chứng H trình bày tại văn bản ngày 21/02/2024: Xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 217, Điều 227 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Bộ luật Dân sự năm 2005

Căn cứ Điều 122, Điều 123, Điều 132 Điều 133, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 616, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 52, Điều 58 của Luật công chứng năm 2015

Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Lê Minh N1, Trịnh Bửu N2 đối với bị đơn ông Lê Minh N3 đối với thửa đất 779, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.283m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu Nguyên với bị đơn ông Lê Minh N3 đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/12/2022 được Văn phòng công chứng L chứng thực số 10361, quyền số 12/2022/TP/CC-SCC/HĐGD.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu N2 với bị đơn ông Lê Minh N3 đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/11/2022 được Văn phòng công chứng H chứng thực số 12505, quyền số 13/2022/TP/CC-SCC/HĐGD.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu Nguyên với bị đơn ông Lê Minh N3 đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu văn bản khai nhận di sản thừa kế và yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Đặng Thị Nở để lại gồm: Thửa đất số 820, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.901,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước; thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.450,5m² loại đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 833, diện tích 239,5m², loại đất ở nông thôn cùng tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C tỉnh Long An (diện tích đo đạc thực tế theo mảnh trích đo địa chính số 111/ML-2023 và 112/ML-2023 cùng ngày 20/11/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng phú được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 21/11/2023) tổng giá trị làm tròn là 5.672.673.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá số 536/01/12/2023/TĐGLA-BDDS ngày 01/12/2023 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn Hồng Đức. Một kỳ phần thừa kế tương đương 1.418.168.000đồng.

- Tuyên bố vô hiệu Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 16/10/2013 của ông Lê Minh N3 được Văn phòng Công chứng số 2 tỉnh Long An công chứng số 0007017 quyền số 07/TP/CC-SCC/TK đối với thửa đất số 820, 833, 834 tờ bản đồ số 4, diện tích 5.019m², loại đất chuyên trồng lúa nước, đất ở nông thôn, đất trồng cây hàng năm khác.

- Chia cho ông Lê Minh N3 được hưởng thửa đất số 833, tờ bản đồ số 4, diện tích 239,5m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

- Buộc ông Lê Minh N3 có trách nhiệm giao cho ông Lê Minh Ngọc một kỳ phần thừa kế được hưởng bằng giá trị tương đương số tiền là 1.418.168.000đồng.

- Buộc ông Lê Minh N3 có trách nhiệm giao cho ông Trịnh Bửu N2 ½ kỳ phần thừa kế của bà Lê Thu Hồng được hưởng bằng giá trị tương đương là 709.084.000đồng.

5. Về chi phí đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản: Ông Trịnh Bửu N2 và ông Lê Minh N1 mỗi người phải chịu 10.550.000đồng và đã nộp đủ. Ông Lê Minh N3 phải chịu 21.100.000đồng, ông N3 phải nộp để hoàn trả cho ông Trịnh Bửu N2 và ông Lê Minh N1.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Bửu N2 phải chịu 32.363.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 600.000 đồng theo biên lai thu số 0009993 ngày 22/01/2024, 300.000đồng theo biên lai thu số 0005087 ngày 01/3/2023 và 6.132.000đồng theo biên lai thu số 0005053 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Ông N2 phải nộp thêm 25.331.000đồng.

Miễn án phí cho ông Lê Minh N1 và ông Lê Minh N3.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 29/5/2024, ông Lê Minh N3; ngày 31/5/2024 ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu C, ông Trịnh Bửu N2 kháng cáo sửa một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 03/6/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không rút đơn kháng cáo, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày của mình như trong quá trình giải quyết vụ án, Viện kiểm sát không rút kháng nghị, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với kháng cáo của ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu C, ông Trịnh Bửu N2, ông Lê Minh N3 và kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện C. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết tranh chấp chia thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhưng chưa đưa anh Trịnh Bửu Hải Đăng tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Đăng. Tại cấp phúc thẩm ông T1 và ông H đều thống nhất yêu cầu cần đưa anh Đăng vào tham gia tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu C, ông Trịnh Bửu N2; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Minh N3, ngày 29/5/2024; ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu C, ông Trịnh Bửu N2, ngày 31/5/2024; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Văn phòng công chứng V, Văn phòng Công chứng H, Văn phòng Công chứng L, chị Đỗ Thị Mỹ D, ông Trịnh Bửu C, anh Huỳnh Duy T2 có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án phù hợp theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ "yêu cầu vô hiệu văn bản khai nhận di sản thừa

kế, chia thừa kế tài sản, vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" là phù hợp theo quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 11 Điều 26 vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Theo đơn kháng cáo và Quyết định kháng nghị thể hiện: Bị đơn Lê Minh N3 yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm: không chấp nhận yêu cầu tuyên bố vô hiệu văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 16/10/2013 (thửa 820, 833, 834) và yêu cầu chia di sản thừa kế (thửa 820, 833, 824) của nguyên đơn; Nguyên đơn ông Trịnh Bửu N2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Bửu C kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm gồm: xác định thửa đất 779 là di sản thừa kế của bà Nở, yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thửa 820, 834) ngày 30/11/2022 giữa ông Lê Minh N3 và ông Huỳnh Duy T2, vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (thửa 779) ngày 05/12/2022 giữa ông Lê Minh N3, bà Huỳnh Kim Đ và ông Lê Minh T3. Không đồng ý chia cho ông N3 thêm 01 kỷ phần thừa kế công sức quản lý di sản. Chia di sản thừa kế thành 03 kỷ phần để ông Trịnh Bửu N2 được đại diện các đồng thừa kế của bà Lê Thu Hồng nhận trọn một kỷ phần thừa kế của bà Hồng là một phần thửa 834 diện tích 817m² loại đất vườn, một phần thửa 779 diện tích 1.015m² loại đất lúa tại xã M, huyện C, tỉnh Long An. Ngoài ra, ông Trịnh Bửu C kháng cáo yêu cầu đưa ông Trịnh Bửu Hải Đăng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Nguyên đơn ông Lê Minh N1 kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm gồm: xác định thửa đất 779 là di sản thừa kế của bà Nở, yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thửa 820, 834) ngày 30/11/2022 giữa ông Lê Minh N3 và ông Huỳnh Duy T2, vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (thửa 779) ngày 05/12/2022 giữa ông Lê Minh N3, bà Huỳnh Kim Đ và ông Lê Minh T3. Không đồng ý chia cho ông N3 thêm 01 kỷ phần thừa kế về công sức quản lý di sản. Chia di sản thừa kế thành 03 kỷ phần. Ông N1 yêu cầu được chia một phần thửa 834 diện tích 817m² loại đất vườn và trọn thửa 820 diện tích 1901,2m², loại đất lúa tại xã M, huyện C, tỉnh Long An; Viện kiểm sát nhân dân huyện C có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 123/QĐ-VKS-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Xét thấy: Tại phiên tòa ông T1 đại diện cho ông N1, ông N2, ông C và ông H đại diện cho ông N3 đều thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị Nở để lại. Cụ Lê Công Chánh (chết năm 1986) vợ là cụ Đặng Thị Nở (chết năm 2013). Cụ Chánh và cụ Nở có 03 người con gồm: ông Lê Minh N1, bà Lê Thu Hồng, ông Lê Minh N3. Bà Lê Thu Hồng (chết năm 2021) có chồng là ông Trịnh Bửu C và hai con là anh Trịnh Bửu N2 và anh Trịnh Bửu Hải Đăng. Thấy rằng, quá trình giải quyết tranh chấp chia thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhưng chưa đưa anh Trịnh Bửu Hải Đăng tham gia tố tụng là thiếu sót làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Đăng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 đại diện cho nguyên đơn và ông H đại diện cho bị đơn đều thống nhất yêu cầu đưa anh Trịnh Bửu Hải Đăng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh

Đặng là con của bà Lê Thu Hồng (đã chết) là người thừa kế của cụ Lê Công Chánh và cụ Đặng Thị Nở vào tham gia tố tụng là thiếu sót và ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Đặng và làm cho việc giải quyết vụ án không triệt để, Hội đồng xét xử phúc thẩm không khắc phục được thiếu sót này. Do đó, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu C, ông Trịnh Bửu N2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết lại khi tiếp tục giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Minh N3, ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu C, ông Trịnh Bửu N2 không phải chịu án phí do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh N3, ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu C, ông Trịnh Bửu N2.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Minh N3, ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu C, ông Trịnh Bửu N2 không phải chịu án phí. Ông Lê Minh N3, ông Lê Minh N1, ông Trịnh Bửu C thuộc diện được miễn án phí, không tạm ứng nên không hoàn trả. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Trịnh Bửu N2 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011789 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn. /.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Đinh Tiên Phương

Phùng Thị Cẩm Hồng

